CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Sơn Đồng Nai

Ngày 31/03/2025	27,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.8%	-	-

DT thuần
Q1/25
25.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼10.6| -29.3%
YoY: ▼0.50| -1.9%

LN thuần
Q1/25
2.07
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.93| -31.2%
YoY: ▲ 0.70| 50.8%

LN sau thuế
Q1/25
2.35
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.69| -22.9%
YoY: ▲ 0.61| 34.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
12.5%
YoY: +/-▲ 1.1%

ROE (TTM)
Q1/25
14.3%
YoY: +/-▲ 0.8%

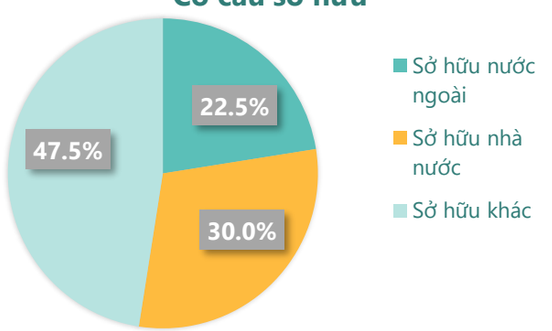
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	26,143 - 34,302
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	84
Số lượng CPLH (CP)	3,036,436
KLGD BQ 20 phiên (CP)	75
Sở hữu nước ngoài	22.5%
Beta	
EPS	3,114
P/E	8.9

DT thuần
2024
120
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.00| 8.2%

LN thuần
2024
7.71
tỷ VNĐ
YoY: ▼9.69| -55.5%

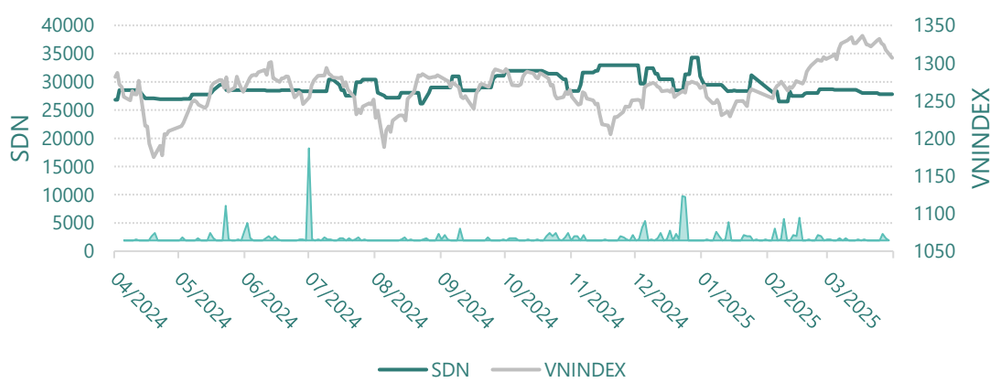
LN sau thuế
2024
8.85
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.65| -46.3%

Cơ cấu sở hữu

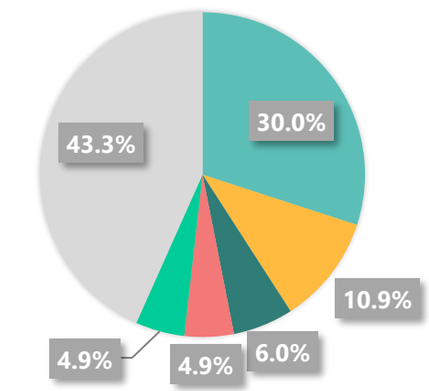


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



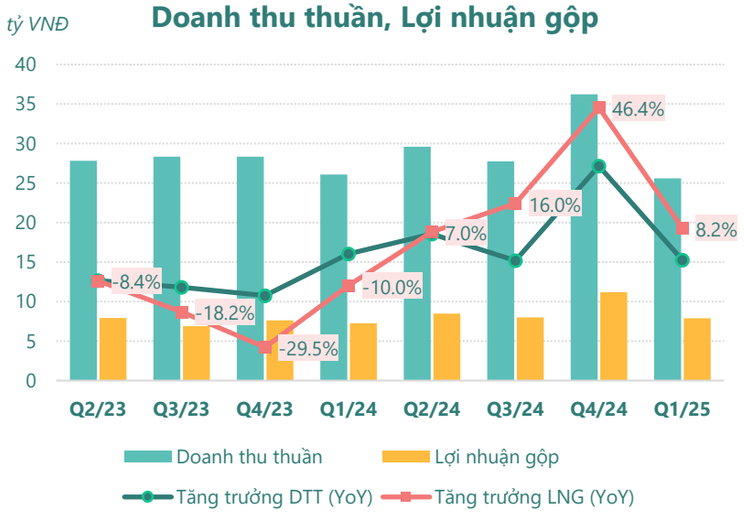
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

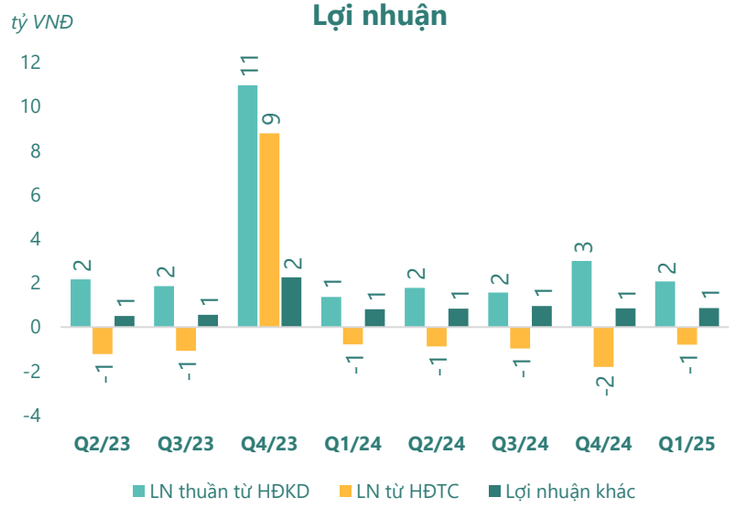
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



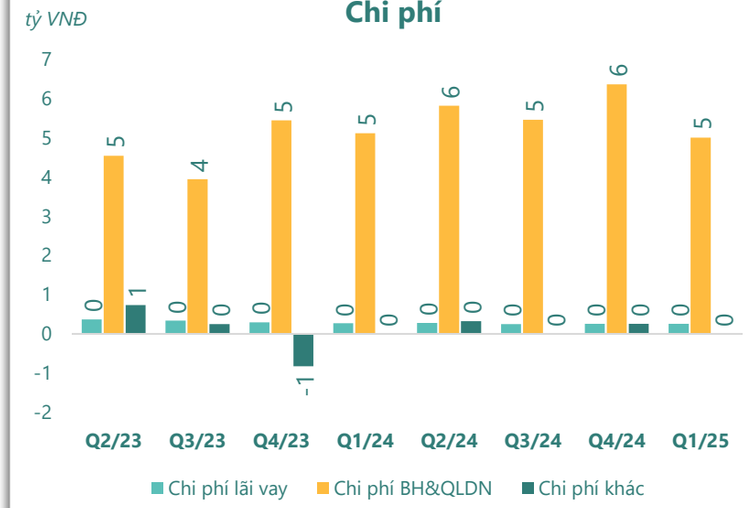
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



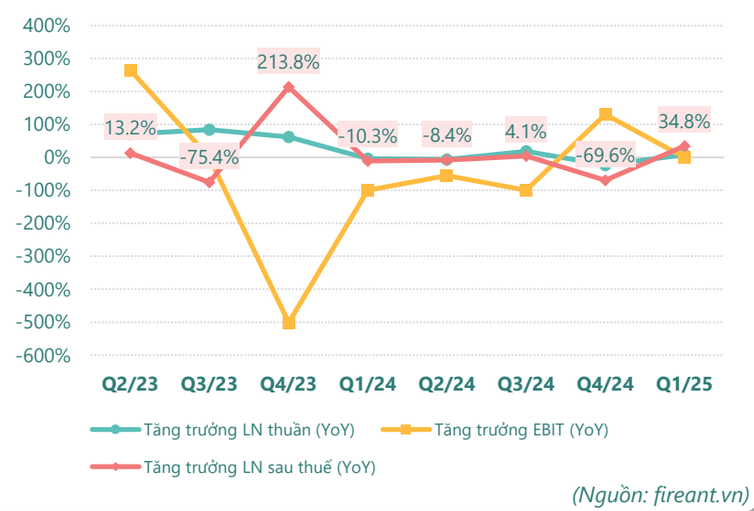
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



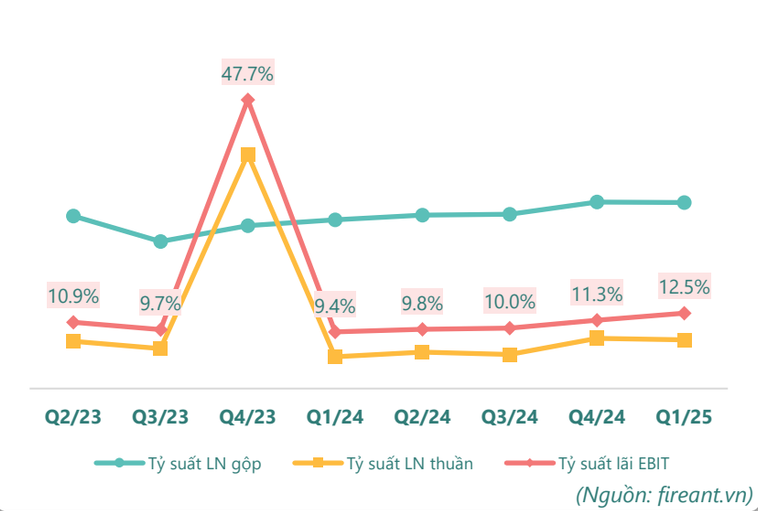
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



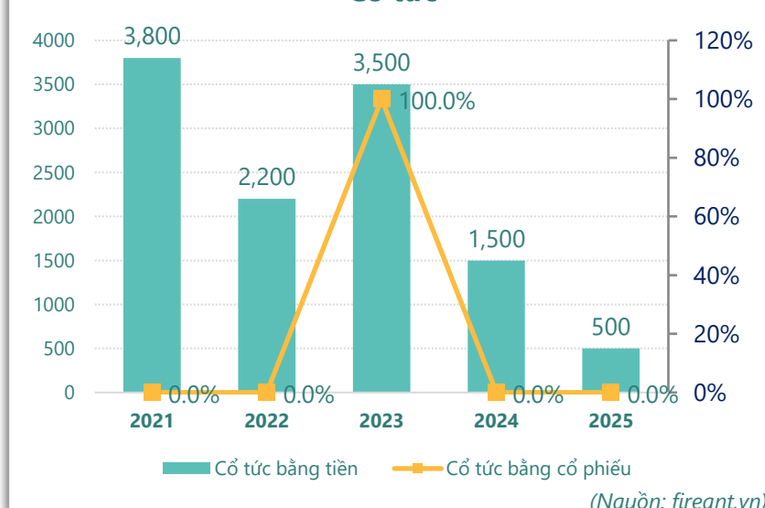
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

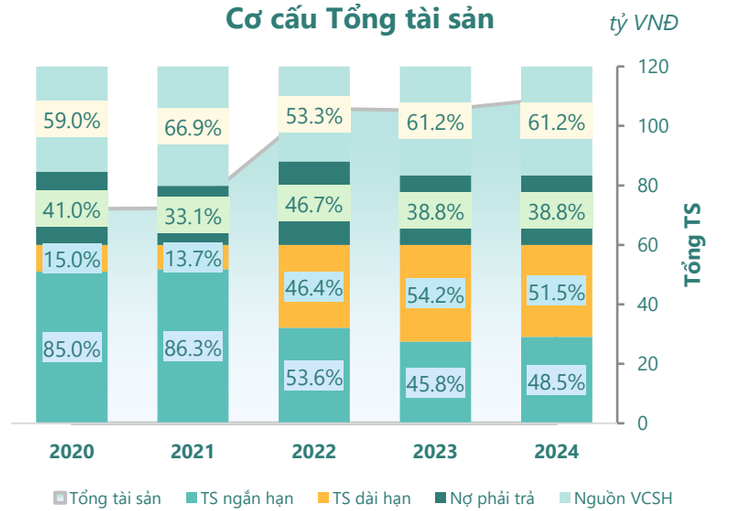
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

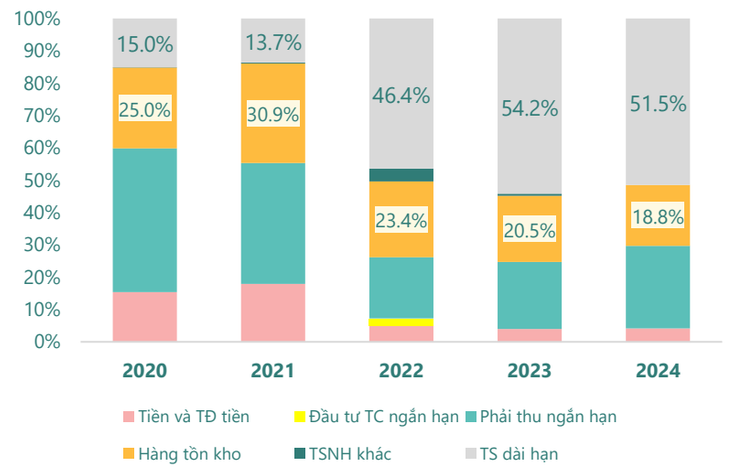
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



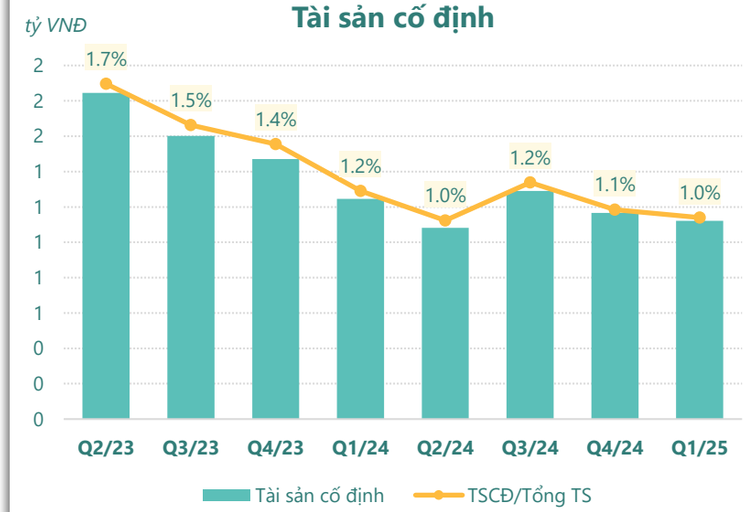
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



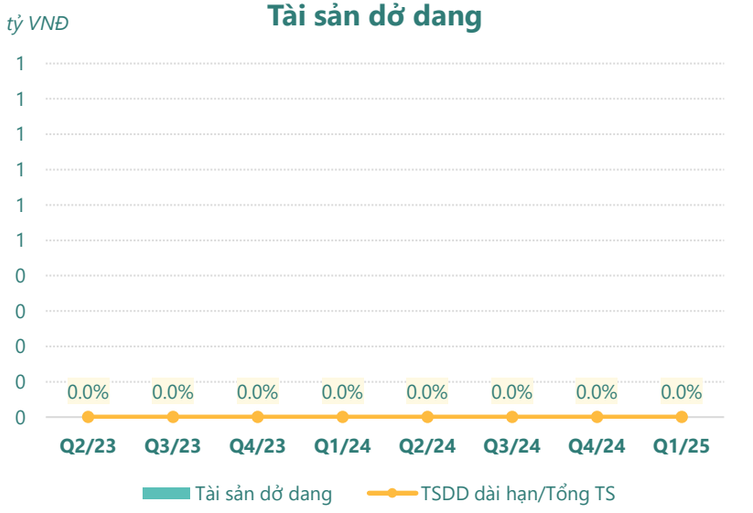
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



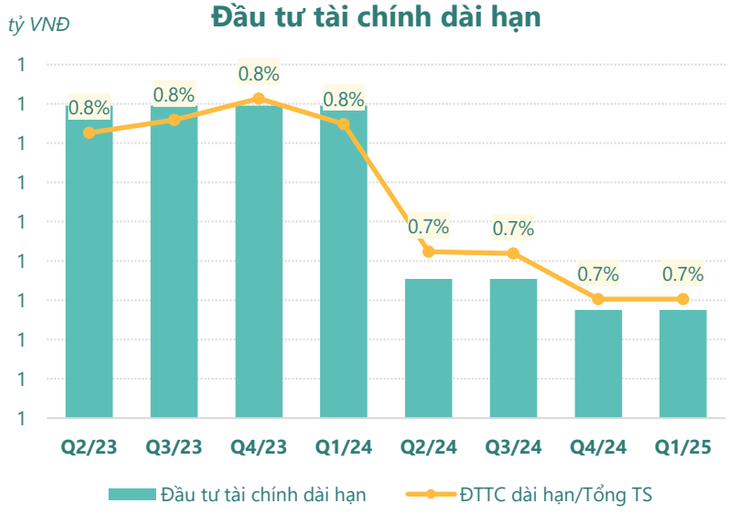
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



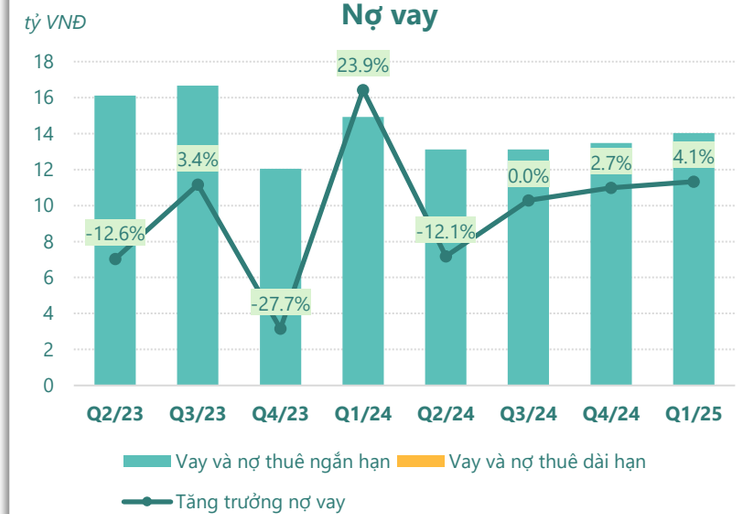
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

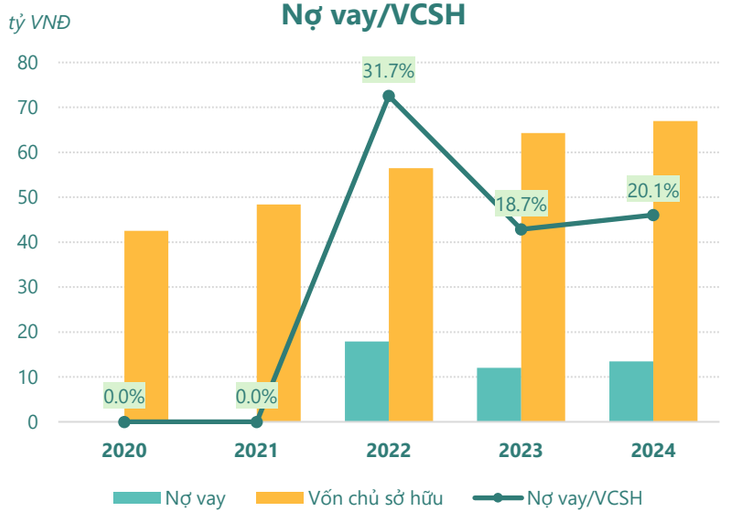
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

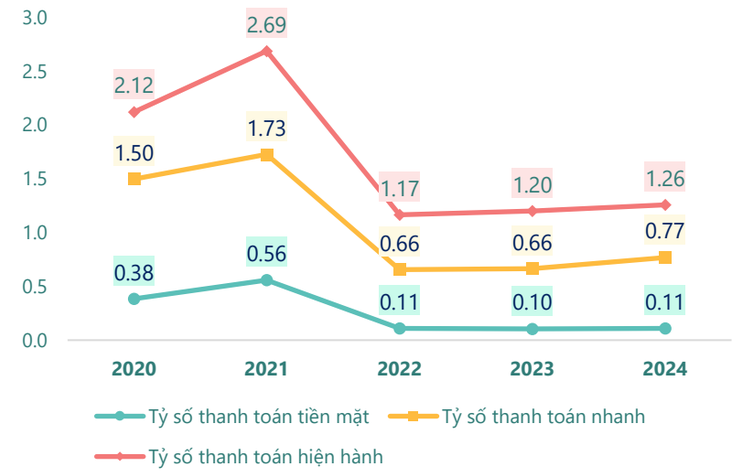
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



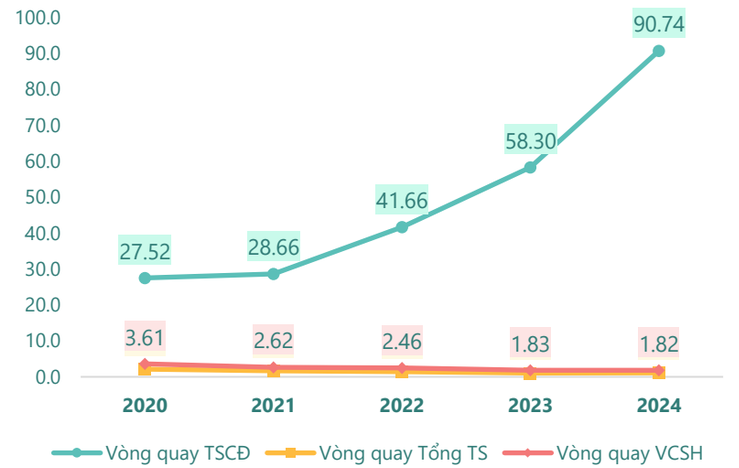
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



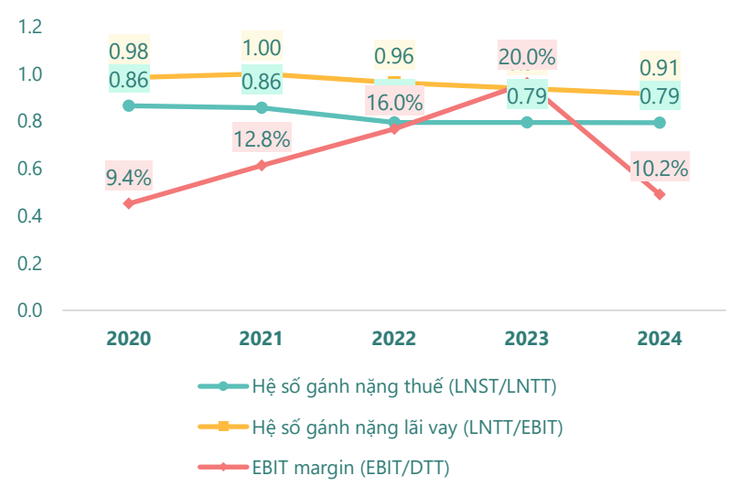
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



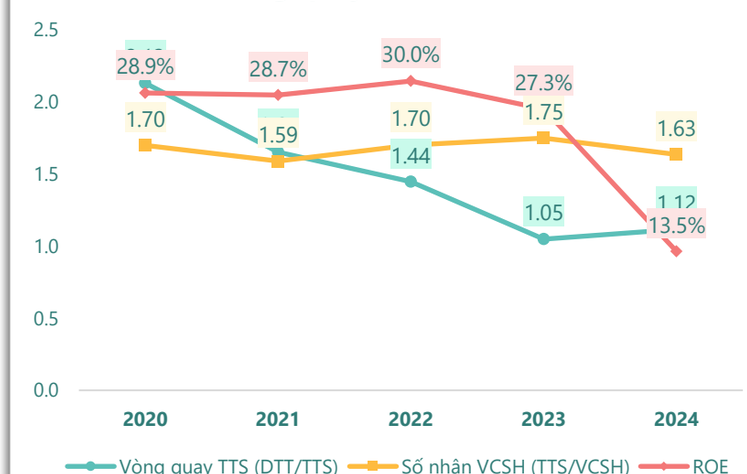
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



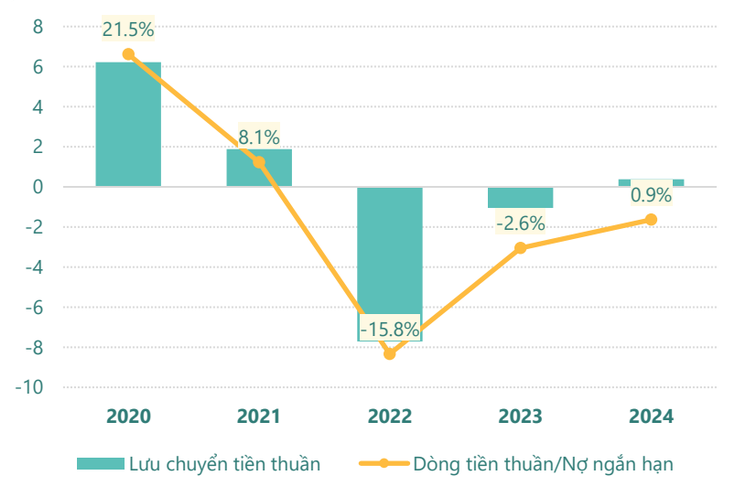
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**25.6**	**26.1**	**-1.9%**	**120**	**111**	**8.2%**
Giá vốn hàng bán	17.7	18.8	-5.7%	84.7	80.0	5.9%
Lợi nhuận gộp	7.87	7.27	8.3%	34.9	30.5	14.4%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.03	10.2	-99.7%
Chi phí TC	0.80	0.79	1.0%	4.47	4.79	-6.7%
Chi phí lãi vay	0.26	0.27	-4.8%	1.05	1.39	-23.9%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	1.51	1.24	21.9%	8.46	6.73	25.7%
Chi phí QLDN	**3.50**	**3.88**	**-9.8%**	**14.3**	**11.9**	**20.3%**
LN thuần từ HĐKD	2.07	1.37	50.8%	7.71	17.4	-55.5%
Lợi nhuận khác	**0.87**	**0.80**	**8.2%**	**3.44**	**3.40**	**1.3%**
LN trước thuế	2.93	2.17	35.1%	11.2	20.7	-46.2%
Lợi nhuận sau thuế	**2.35**	**1.74**	**34.8%**	**8.85**	**16.5**	**-46.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.35**	**1.74**	**34.8%**	**8.85**	**16.5**	**-46.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-5.52	-2.62	4.02	3.48	-0.98	0.36
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	10.1	0.00	-0.23	-0.18	0.03	-0.08
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.62	1.36	-1.80	-3.04	0.35	-0.97
Tiền đầu kỳ	4.22	4.21	2.95	4.93	5.19	4.59
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.01**	**-1.26**	**1.98**	**0.27**	**-0.60**	**-0.69**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.21	2.95	4.93	5.19	4.59	3.90

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**109**	**109**	**0.0%**
Tài sản ngắn hạn	53.5	53.1	0.8%
Tiền và tương đương tiền	3.90	4.59	-15.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	25.3	27.9	-9.4%
Hàng tồn kho	24.3	20.6	18.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**55.9**	**56.3**	**-0.8%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1.12	1.17	-3.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0.72	0.72	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**54.0**	**54.4**	**-0.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	41.6	42.4	-2.0%
Nợ ngắn hạn	**41.3**	**42.2**	**-2.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	14.0	13.5	4.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	19.3	17.4	11.2%
Nợ dài hạn	0.25	0.20	25.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**67.8**	**66.9**	**1.2%**
Vốn chủ sở hữu	**67.8**	**66.9**	**1.2%**
Vốn điều lệ	30.4	30.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)